

## Bản Thông Tin An Toàn

### 1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

|                                                 |                                                                |
|-------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
| Mã phân loại sản phẩm theo GHS                  | UV ink LUS-210 Cyan                                            |
| Mô Ta Sản Phẩm                                  | LUS21-C-BA                                                     |
| Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng         | Mức máy in phun                                                |
| Tên nhà sản xuất                                | MIMAKI ENGINEERING CO., LTD.                                   |
| Địa chỉ nhà sản xuất                            | 2182-3 Shigeno-otsu, Tomi-shi, Nagano 389-0512 JAPAN           |
| Số điện thoại                                   | +81-268-64-2413                                                |
| Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp | +84 28 4458 2388 (chỉ trong phạm vi Việt Nam)<br>+65 3158 1074 |

### 2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại theo GHS

**CÁC NGUY HIỂM HÓA HỌC VÀ VẬT L**  
**CÁC NGUY CƠ VỀ SỨC KHỎE**

Nguy hại ảnh hưởng đến môi trường

Các yếu tố nhãn theo GHS

BIỂU TƯỢNG HOẶC KÝ HIỆU

Chất lỏng dễ cháy Không phân loại  
Ăn mòn / kích ứng da Cấp 2  
Tổn thương nghiêm trọng / kích ứng mắt Cấp 2A  
Tác nhân nhạy da Cấp 1  
Độc tính sinh sản Cấp 2  
Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh Cấp 1  
Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh Cấp 2



TỪ BÁO HIỆU

Cảnh báo nguy cơ

Cảnh báo

H315 Gây kích ứng da  
H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng  
H317 Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da  
H361 Nghi ngờ là có hại đến khả năng sinh sản hoặc trẻ sơ sinh  
H400 Rất độc đối với sinh vật thủy sinh  
H411 Độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài

**CÁC TUYÊN BỐ VỀ PHÒNG NGỪA**  
**NGĂN NGỪA**

Cần có những chỉ dẫn đặc biệt trước khi sử dụng(P201)  
Đọc và hiểu các phòng ngừa về an toàn trước khi sử dụng(P202)  
Tránh hít thở sương mù/hơi/hơi phun(P261)  
Rửa hoàn toàn sau khi sử dụng(P264)  
Quần áo làm việc bị nhiễm bẩn không nên để ngoài nơi làm việc(P272)  
Tránh phát tán ra môi trường(P273)  
Đeo găng tay bảo hộ và mang bảo vệ mắt/mặt(P280)



## Bản Thông Tin An Toàn

Định Danh Sản Phẩm: UV ink LUS-210 Cyan

An Toàn: 037-U225066

Ngày thiết lập: 2019/12/06

Ngày sửa đổi: 2026/08/28

### ĐÁP ỨNG

Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân như yêu cầu(P281)  
NẾU TRÊN DA: rửa bằng nhiều nước và xà phòng(P302+P352)  
NẾU TRONG MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu đang đeo và nếu dễ thực hiện. Tiếp tục rửa(P305+P351+P338)  
Nếu sự kích thích da xuất hiện: Cần tư vấn/chăm sóc y tế(P308+P313)  
Xử lý riêng biệt.(P321)  
Nếu sự kích thích da hoặc phát ban xuất hiện: Cần tư vấn/chăm sóc y tế(P333+P313)  
Nếu sự kích thích mắt tiếp diễn: Cần tư vấn/chăm sóc y tế(P337+P313)  
Thay quần áo bị nhiễm bẩn và giặt trước khi tái sử dụng(P362)  
Thu gom các chất bị tràn ra(P391)  
Bảo quản nơi có khóa(P405)  
Thải bỏ các thành phần/thùng chứa ở bãi chôn lấp đã được phê duyệt(P501)

### BẢO QUẢN THẢI BỎ

### 3. Thông tin về thành phần các chất

| CHẤT HOẶC HỖN HỢP                               | HỖN HỢP   |                   |            |
|-------------------------------------------------|-----------|-------------------|------------|
| Tên hóa chất                                    | Hàm lượng | Công thức hóa học | Số CAS     |
| Acrylate Resin                                  | 5-15%     | Không biết        | Bí mật     |
| Hexane-1,6-diyl diacrylate                      | 70-80%    | Không biết        | 13048-33-4 |
| 2-Propen-1-one, 1-(4-morpholinyl)-              | 0.1-1%    | Không biết        | 5117-12-4  |
| Diphenyl(2,4,6-trimethylbenzoyl)phosphine oxide | 5-10%     | Không biết        | 75980-60-8 |
| C.I. Pigment blue-15:3                          | 5-10%     | Không biết        | 147-14-8   |

### 4. Biện pháp sơ cứu về y tế

#### TRONG TRƯỜNG HỢP HÍT PHẢI

Nếu bị phơi nhiễm hoặc có triệu chứng phơi nhiễm, cần nhận ngay sự trợ giúp và lời khuyên của y tế.  
Gọi TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/bác sỹ/thầy thuốc nếu bạn cảm thấy không khỏe.

#### TRONG TRƯỜNG HỢP TIẾP XÚC VỚI DA

Nếu bị phơi nhiễm hoặc có triệu chứng phơi nhiễm, cần nhận ngay sự trợ giúp và lời khuyên của y tế.  
NẾU DÍNH VÀO DA, Rửa nhẹ nhàng bằng nhiều xà phòng và nước.  
Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi mặc lại.  
Nếu bị ngứa ngáy hoặc phát ban trên da: Đề nghị có sự trợ giúp y tế và các hỗ trợ khác.

#### TRONG TRƯỜNG HỢP TIẾP XÚC VỚI

Xử lý riêng biệt.  
Nếu bị phơi nhiễm hoặc có triệu chứng phơi nhiễm, cần nhận ngay sự trợ giúp và lời khuyên của y tế.



## Bản Thông Tin An Toàn

Định Danh Sản Phẩm: UV ink LUS-210 Cyan

An Toàn: 037-U225066

Ngày thiết lập: 2019/12/06

Ngày sửa đổi: 2026/08/28

### TRONG TRƯỜNG HỢP ĂN PHẢI

NẾU VÀO MẮT, Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu đang đeo và có thể làm dễ dàng. Tiếp tục rửa.

Nếu bị phơi nhiễm hoặc có triệu chứng phơi nhiễm, cần nhận ngay sự trợ giúp và lời khuyên của y tế.

Xúc miệng.

NẾU NUỐT PHẢI, Gọi ngay TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sỹ/thầy thuốc nếu bạn cảm thấy không khỏe. Súc miệng. KHÔNG cố nôn ra.

### 5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY

PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY KHÔNG PHÙ HỢP

NHỮNG NGUY HIỂM CỤ THỂ

NHỮNG PHƯƠNG PHÁP CỤ THỂ

BẢO VỆ LÍNH CỨU HỎA

Hóa chất chuyên dụng, CO2, sương, bột bần rệu hoặc cát  
Tia sáng thẳng.

Nguy cơ sinh ra các khí có hại như carbon monoxide và các. Tránh hít phải khói hoặc các khí đó.

Hãy dập lửa từ vị trí ngược hướng gió nếu có thể.

Trong khu vực cháy, vận chuyển ngay lập tức contenô tới khu vực an toàn, nếu các contenô có thể vận chuyển được.

Nghiêm cấm nhân viên không được phép tiếp cận khu vực xung quanh đám cháy.

Yêu cầu nhân viên không phạm sự miễn tiếp cận.

Sử dụng kính bảo hộ kết hợp với mặt nạ chống bụi, và các phương tiện bảo vệ khác tùy theo tình huống.

### 6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố

Các cảnh báo về môi trường

Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố

Sử dụng kính bảo hộ kết hợp với mặt nạ chống bụi và các biện pháp bảo vệ khác phù hợp với từng tình huống.

Lượng vật liệu tràn lớn: Sơ tán khu vực.

Đảm bảo thông khí đầy đủ.

Thu gom lượng bị đổ tràn.

Không thải trực tiếp vào cống rãnh, nước trên mặt hoặc nước ngầm.

Lượng vật liệu tràn nhỏ: hút bằng vật liệu như vật liệu không gây cháy, rửa kỹ sau khi xử lý.

Lượng vật liệu tràn lớn: Cách ly phần vật liệu tràn và thải vào khu vực an toàn.

### 7. Yêu cầu về cất giữ

VIỆC SỬ DỤNG

CÁC BIỆN PHÁP KỸ THUẬT

Sử dụng hệ thống thoát khí thải cục bộ trong trường hợp có khói hay hơi sương.

Các cơ sở lưu trữ hoặc sử dụng vật liệu này nên trang bị thiết bị



Định Danh Sản Phẩm: UV ink LUS-210 Cyan

An Toàn: 037-U225066

Ngày thiết lập: 2019/12/06

Ngày sửa đổi: 2026/08/28

## Bản Thông Tin An Toàn

### LỜI KHUYẾN VỀ SỬ DỤNG AN TOÀN

rửa mắt và vòi sen an toàn.

Rửa sạch tay sau khi sử dụng.

Mang bảo vệ mắt/bảo vệ mặt.

Quần áo làm việc bị nhiễm bẩn không được phép mang ra khỏi nơi làm việc.

Tránh hít bụi/khói/khí/sương muối/hơi/bụi nước.

### BẢO QUẢN

#### CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN PHÙ HỢP

Bảo quản ở nơi có khóa.

### 8. Kiểm soát phơi nhiễm/yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

|                        | ACGIH (TLV)         | OSHA (PEL)          | Vệ sinh Tiêu chuẩn Lao động |
|------------------------|---------------------|---------------------|-----------------------------|
| C.I. Pigment blue-15:3 | Chưa được thiết lập | Chưa được thiết lập | 0.5 mg/m3 TWA; 1 mg/m3 STEL |

#### CÁC BIỆN PHÁP CÔNG NGHỆ

Sử dụng hệ thống thoát khí thải cục bộ trong trường hợp có khói hay hơi sương.

Các cơ sở lưu trữ hoặc sử dụng vật liệu này nên trang bị thiết bị rửa mắt và vòi sen an toàn.

Sử dụng thiết bị điện chống cháy nổ và phòng ngừa sự tĩnh điện.

#### THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

BẢO VỆ ĐƯỜNG HÔ HẤP

Nếu cần thiết, hãy mang bảo vệ đường hô hấp.

BẢO VỆ TAY

Đeo găng tay bảo hộ.

BẢO VỆ MẮT

Mang bảo vệ mắt/bảo vệ mặt.

BẢO VỆ DA VÀ CƠ THỂ

Mặc quần áo bảo hộ.

### 9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Trạng thái vật lý

Chất lỏng

MÀU

Màu xanh da trời

MÙI

Giống mùi Ester

NGƯỠNG MÙI

Không có dữ liệu

pH

Không có dữ liệu

ĐIỂM NÓNG CHẢY

Không có dữ liệu

ĐIỂM SÔI

Không có dữ liệu

ĐIỂM CHỚP CHÁY

>100°C(cốc kín)

NGƯỠNG MÙI

Không có dữ liệu

TÍNH DỄ CHÁY (RẮN, KHÍ)

Không có dữ liệu

CÁC GIỚI HẠN NỔ HOẶC CHÁY

Không có dữ liệu

ÁP SUẤT HƠI

Không có dữ liệu

TỶ TRỌNG HƠI

Không có dữ liệu

TRỌNG LƯỢNG RIÊNG (TỶ TRỌNG)

Không có dữ liệu

TÍNH TAN TRONG

Không có dữ liệu

HỆ SỐ PHÂN TÁCH: n-

Không có dữ liệu

OCTANOL/NƯỚC(log Pow)



Định Danh Sản Phẩm: UV ink LUS-210 Cyan

An Toàn: 037-U225066

Ngày thiết lập: 2019/12/06

Ngày sửa đổi: 2026/08/28

## Bản Thông Tin An Toàn

NHIỆT ĐỘ TỰ CHÁY  
NHIỆT ĐỘ PHÂN HỦY

Không có dữ liệu  
Không có dữ liệu

### 10. Mức ổn định và khả năng hoạt động của hóa chất

|                                                             |                                                                                                 |
|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Khả năng phản ứng                                           | Không có thông tin                                                                              |
| Tính ổn định                                                | Ổn định trong điều kiện thường.                                                                 |
| Phản ứng nguy hiểm                                          | Phản ứng trùng hợp và lưu hóa có thể xảy ra khi tiếp xúc với ánh sáng, đặc biệt là tia cực tím. |
| Các điều kiện cần tránh                                     | Nguồn nhiệt, lưu trữ gần nguồn lửa, ánh sáng mặt trời trực tiếp, tia cực tím                    |
| Vật liệu không tương thích                                  | Chất oxy hóa, oxit sắt, bazơ mạnh                                                               |
| Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy | Điôxít cacbon, cacbon monoxide                                                                  |

### 11. Thông tin về độc học

|                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Độc cấp tính (miệng)                   | Loại 4:5117-12-4 (giá trị biến đổi = 500mg/kg, nguồn: 1272/2008/EC)<br>Không phân loại:147-14-8 (nguồn: NITE)<br>Không thể thực hiện việc phân loại:75980-60-8 (nguồn: 1272/2008/EC), 13048-33-4 (nguồn: Registered substances (ECHA))<br>Không có dữ liệu:Bí mật (nguồn: Không đăng ký)<br><br>Kết quả tính toán = 8500mg/kg. Kết quả phân loại = Không thể thực hiện việc phân loại. |
| Độc cấp tính (da)                      | Không thể phân loại do không có đầy đủ dữ liệu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| Độc cấp tính (hô hấp : khí)            | Không xếp vào chất khí theo định nghĩa của GHS.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| Độc cấp tính (hô hấp : hơi)            | Không thể phân loại do không có đầy đủ dữ liệu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| Độc cấp tính (hô hấp : bụi và sương)   | Không thể phân loại do không có đầy đủ dữ liệu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| Ăn mòn / kích ứng da                   | Loại 2:13048-33-4 (nguồn: Registered substances (ECHA))<br>Không phân loại:147-14-8 (nguồn: NITE)<br>Không thể thực hiện việc phân loại:75980-60-8 (nguồn: 1272/2008/EC), 5117-12-4 (nguồn: 1272/2008/EC)<br>Không có dữ liệu:Bí mật (nguồn: Không đăng ký)<br><br>Tập hợp nhóm chất 2 Giới hạn nồng độ = 10%. Kết quả xếp loại = Nhóm 2.                                              |
| Tổn thương nghiêm trọng / kích ứng mắt | Loại 1:5117-12-4 (nguồn: 1272/2008/EC)<br>Loại 2:13048-33-4 (nguồn: Registered substances (ECHA))<br>Không thể thực hiện việc phân loại:147-14-8 (nguồn: NITE), 75980-60-8 (nguồn: 1272/2008/EC)<br>Không có dữ liệu:Bí mật (nguồn: Không đăng ký)                                                                                                                                     |

|                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tác nhân nhạy hô hấp<br>Tác nhân nhạy da                                                                                                                | Tập hợp các chất nhóm mắt 2 Giới hạn nồng độ = 10%. Kết quả phân loại = Nhóm 2A.<br>Không thể phân loại do không có đầy đủ dữ liệu<br>Loại 1:13048-33-4 (nguồn: 1272/2008/EC), 13048-33-4 (nguồn: Registered substances (ECHA))<br>Không thể thực hiện việc phân loại:147-14-8 (nguồn: NITE), 75980-60-8 (nguồn: 1272/2008/EC)<br>Không có dữ liệu:Bí mật (nguồn: Không đăng ký)                                                                                                                               |
| Độc biến tế bào mầm (tế bào gen)<br>Tác nhân gây ung thư<br>Độc tính sinh sản                                                                           | 13048-33-4 >= 1%, Kết quả phân loại = Loại 1.<br><br>Các chất thành phần không tham gia vào việc phân loại:<br>5117-12-4 (Nhóm = Loại 1, nguồn: 1272/2008/EC)<br>Không thể phân loại do không có đầy đủ dữ liệu<br>Không thể phân loại do không có đầy đủ dữ liệu<br>Loại 2:75980-60-8 (nguồn: 1272/2008/EC)<br>Không thể thực hiện việc phân loại:147-14-8 (nguồn: NITE), 5117-12-4 (nguồn: 1272/2008/EC), 13048-33-4 (nguồn: Registered substances (ECHA))<br>Không có dữ liệu:Bí mật (nguồn: Không đăng ký) |
| Độc tính sinh sản-Ảnh hưởng đến hoặc qua sữa mẹ<br>Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn<br>Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại | 75980-60-8 >= 0.1%, Kết quả phân loại = Loại 2.<br>Không thể phân loại do không có đầy đủ dữ liệu<br><br>Không thể phân loại do không có đầy đủ dữ liệu<br><br>Loại 2:5117-12-4 (cơ quan = ---, nguồn: 1272/2008/EC)<br>Không thể thực hiện việc phân loại:147-14-8 (nguồn: NITE), 75980-60-8 (nguồn: 1272/2008/EC), 13048-33-4 (nguồn: Registered substances (ECHA))<br>Không có dữ liệu:Bí mật (nguồn: Không đăng ký)                                                                                        |
| Nguy hại hô hấp                                                                                                                                         | Các chất được phân loại là độc hại ở dưới giới hạn nồng độ. Có chứa chất độc chưa xác định. Chuyển từ Không phân loại sang Không thể thực hiện việc phân loại.<br>Không thể phân loại do không có đầy đủ dữ liệu                                                                                                                                                                                                                                                                                               |

**12. Thông tin về sinh thái**

|                                                |                                                                                                                                                                                         |
|------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh | Loại 1:13048-33-4 (nguồn: Registered substances (ECHA))<br>Không thể thực hiện việc phân loại:147-14-8 (nguồn: NITE), 75980-60-8 (nguồn: 1272/2008/EC), 5117-12-4 (nguồn: 1272/2008/EC) |
|------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

Không có dữ liệu: Bí mật (nguồn: Không đăng ký)

Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh

Nhóm 1 x Hệ số M  $\geq$  giới hạn nồng độ (25%). Kết quả phân loại = Nhóm 1.

Loại 2: 13048-33-4 (nguồn: Registered substances (ECHA))

Không thể thực hiện việc phân loại: 147-14-8 (nguồn: NITE), 75980-60-8 (nguồn: 1272/2008/EC), 5117-12-4 (nguồn: 1272/2008/EC)

Không có dữ liệu: Bí mật (nguồn: Không đăng ký)

(Hệ số M x 10 x Nhóm 1) + Nhóm 2  $\geq$  Giới hạn nồng độ (25%). Kết quả phân loại = Nhóm 2.

### 13. Thông tin trong việc thải bỏ

Chất thải của phần dư/sản phẩm chưa sử dụng

Trước khi xử lý cần làm cho chất thải không hại, ổn định, trung tính và hạn chế tối đa nguy hiểm và độc hại của rác.

Bao bì đã bị nhiễm

Được chuyển cho nhà thầu về chất thải đã được cấp phép.

Sử dụng lại contenô sau khi làm sạch hoặc xử lý các chất thải tuân thủ luật và các quy định của chính quyền địa phương.

Trong trường hợp phải sắp xếp, vận chuyển contenô rỗng, hãy di chuyển nhẹ nhàng.

### 14. Thông tin khi vận chuyển

#### CÁC QUY ĐỊNH QUỐC TẾ

##### Thông tin về IMDG

Số UN

3082

Tên vận chuyển đường biển

ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S.

Loại, nhóm hàng nguy hiểm

9

Quy cách đóng gói

III

Điều khoản đặc biệt

2.10.2.7 \*1

##### Thông tin về IATA

Số UN

3082

Tên vận chuyển đường biển

ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S.

Loại, nhóm hàng nguy hiểm

9

Quy cách đóng gói

III

Điều khoản đặc biệt

A197 \*1

\*1 Kịch bản đơn hoặc đóng gói có khối lượng tịnh nhỏ hơn 5 L (đối với chất lỏng) hoặc 5 kg (đối với chất rắn) đều không thuộc đối tượng của Quy định về Hàng hóa Nguy hiểm – Tham khảo UN Special Provision (Điều khoản đặc biệt của LHQ).

### 15. Thông tin về pháp luật



## Bản Thông Tin An Toàn

Sản phẩm này được đánh giá và quản lý theo các quy định hiện hành của Việt Nam, bao gồm:

Luật Hóa chất số 69/2025/QH15.

Nghị định số 24/2026/NĐ-CP quy định các danh mục hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hóa chất.

Nghị định số 26/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.

Thông tư số 01/2026/TT-BCT quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP, bao gồm phân loại hóa chất, ghi nhãn hóa chất và Phiếu An toàn hóa chất (SDS).

Theo Nghị định số 24/2026/NĐ-CP, sản phẩm đã được rà soát đối với các danh mục hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hóa chất.

### Kết quả rà soát:

- Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện: Không có thành phần nào thuộc danh mục.
- Danh mục hóa chất cần kiểm soát đặc biệt: Không có thành phần nào thuộc danh mục.
- Danh mục hóa chất phải xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất: Không có thành phần nào thuộc danh mục.
- Danh mục hóa chất cấm: Không có thành phần nào thuộc danh mục.

### Hexane-1,6-diyl diacrylate (13048-33-4)

| TSCA –<br>United<br>States | ENCS –<br>Japan | KECI Annex<br>1, 2 – Korea | IECSC –<br>China | DSL/NDSL<br>– Canada | PICCS –<br>Philippines | AICS –<br>Australia | EINECS/ELINCS<br>– European<br>Union | TCSI<br>–<br>Taiwan | NZIoC –<br>New<br>Zealand |
|----------------------------|-----------------|----------------------------|------------------|----------------------|------------------------|---------------------|--------------------------------------|---------------------|---------------------------|
| CÓ                         | CÓ              | CÓ                         | CÓ               | CÓ                   | CÓ                     | CÓ                  | CÓ                                   | CÓ                  | CÓ                        |

### 2-Propen-1-one, 1-(4-morpholinyl)- (5117-12-4)

| TSCA –<br>United<br>States | ENCS –<br>Japan | KECI Annex<br>1, 2 – Korea | IECSC –<br>China | DSL/NDSL<br>– Canada | PICCS –<br>Philippines | AICS –<br>Australia | EINECS/ELINCS<br>– European<br>Union | TCSI<br>–<br>Taiwan | NZIoC –<br>New<br>Zealand |
|----------------------------|-----------------|----------------------------|------------------|----------------------|------------------------|---------------------|--------------------------------------|---------------------|---------------------------|
| CÓ                         | CÓ              | CÓ                         | CÓ               | CÓ                   | CÓ                     | CÓ                  | CÓ                                   | CÓ                  | CÓ                        |

### Diphenyl(2,4,6-trimethylbenzoyl)phosphine oxide (75980-60-8)

| TSCA –<br>United<br>States | ENCS –<br>Japan | KECI Annex<br>1, 2 – Korea | IECSC –<br>China | DSL/NDSL<br>– Canada | PICCS –<br>Philippines | AICS –<br>Australia | EINECS/ELINCS<br>– European<br>Union | TCSI<br>–<br>Taiwan | NZIoC –<br>New<br>Zealand |
|----------------------------|-----------------|----------------------------|------------------|----------------------|------------------------|---------------------|--------------------------------------|---------------------|---------------------------|
| CÓ                         | CÓ              | CÓ                         | CÓ               | CÓ                   | CÓ                     | CÓ                  | CÓ                                   | CÓ                  | CÓ                        |

### C.I. Pigment blue-15:3 (147-14-8)

| TSCA –<br>United<br>States | ENCS –<br>Japan | KECI Annex<br>1, 2 – Korea | IECSC –<br>China | DSL/NDSL<br>– Canada | PICCS –<br>Philippines | AICS –<br>Australia | EINECS/ELINCS<br>– European<br>Union | TCSI<br>–<br>Taiwan | NZIoC –<br>New<br>Zealand |
|----------------------------|-----------------|----------------------------|------------------|----------------------|------------------------|---------------------|--------------------------------------|---------------------|---------------------------|
| CÓ                         | CÓ              | CÓ                         | CÓ               | CÓ                   | CÓ                     | CÓ                  | CÓ                                   | CÓ                  | CÓ                        |

## 16. Các thông tin cần thiết khác

### THAM KHẢO

### NITE GHS

EU CLP Regulation, AnnexVI

Luật Hóa chất số 69/2025/QH15

Nghị định số 24/2026/NĐ-CP

Nghị định số 26/2026/NĐ-CP

Thông tư số 01/2026/TT-BCT

### DỮ LIỆU KHÁC

Thông tin cung cấp trong Bản Thông Tin An Toàn này không hàm





## Bản Thông Tin An Toàn

Định Danh Sản Phẩm: UV ink LUS-210 Cyan

An Toàn: 037-U225066

Ngày thiết lập: 2019/12/06

Ngày sửa đổi: 2026/08/28

ý là đầy đủ và chỉ nên xem như là một hướng dẫn.

Tuy thông tin và các đề nghị nêu tại đây được tin là chính xác, công ty không có bất kỳ bảo đảm nào về các thông tin và đề nghị đó và từ chối tất cả mọi trách nhiệm pháp lý nảy sinh từ việc tin cậy vào đó.